

Bản án số: 34/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2021

V/v tranh chấp Hôn nhân & gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ỨNG HÒA - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Việt Hùng và bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hoà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thuyên, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ứng Hoà, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 170/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2021 về “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn M - sinh năm 1989 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã Đ, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng N - sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nguồn quán và chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã T, huyện U, TP. Hà Nội

Nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã Đ, huyện U, TP. Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn ly hôn, biên bản lấy lời khai anh Nguyễn Văn M là nguyên đơn trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Hồng N qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Hùng, huyện Ứng Hoà, TP. Hà Nội năm 2018. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không thể tìm thấy tiếng nói chung. Anh và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần, bản thân anh cũng cố gắng nhẫn nhịn để mong vợ chồng có cuộc sống hạnh phúc nhưng càng cố gắng bao nhiêu thì tình cảm vợ

chồng càng phai nhạt bấy nhiêu. Mẫu thuẫn trở nên trầm trọng từ đầu năm 2021 và đến khoảng tháng 5 năm 2021 thì chị N về ngoại ở từ đó cho đến nay. Anh xác định không thể cứ kéo dài cuộc sống hôn nhân như vậy nên anh không đến đón chị N nữa và có đơn xin ly hôn. Vì vậy, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên anh cương quyết xin ly hôn chị N. Về con chung: Chưa có nên anh không đề nghị Tòa giải quyết. Về tài sản, công nợ chung: Anh không yêu cầu đề nghị Tòa giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Hồng N là bị đơn không có quan điểm, ý kiến gì.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Đỗ Thị T1 - mẹ chị N trình bày: bà là mẹ của chị Nguyễn Thị Hồng N. Năm 2018, hai bên gia đình có tổ chức cưới hỏi cho chị N và anh M. Sau khi kết hôn, hai anh chị sinh sống và làm công nhân. Chị N là người ngoan ngoãn, hiền lành. Trong cuộc sống thì vợ chồng đôi lúc xảy ra mâu thuẫn. Từ giữa tháng 5 năm 2021 thì chị N đẻ non, gia đình anh M hắt hủi đuổi chị N về nên chị N đã về sống tại gia đình bà. Vợ chồng bà không mong muốn các con ly hôn, việc ly hôn là do anh M và chị N quyết định. Xong vì hiện tại, chị N đi làm nên không thể đến Tòa làm việc, bà xin nhận thay và giao ngày các văn bản tố tụng của Tòa cho chị N; đồng thời chị N có quan điểm đề nghị Tòa giải quyết theo đơn của anh M.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn M có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên quan điểm, không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ nào khác. Chị Nguyễn Thị Hồng N vắng mặt không có lý do và không xuất trình tài liệu chứng cứ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ứng Hòa có quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành hòa giải theo đúng quy định. Hội đồng tiến hành xét xử vụ án đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án: đề nghị Tòa giải quyết xử cho anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng Nhung. Anh M phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thực hiện tố tụng của Tòa án:

Về phạm vi khởi kiện, quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Văn M có đơn xin đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng N. Do vậy, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS.

Về thẩm quyền: Quan hệ pháp luật là tranh chấp Hôn nhân và gia đình, bị đơn là chị Nguyễn Thị Hồng N có đăng ký nơi cư trú: Thôn Du Đông, xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội; nguyên quán và chỗ ở hiện nay: Thôn Kiện Vũ, xã Trầm Lộng, huyện Ứng Hòa, TP. Hà Nội nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án toà án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập chị Nguyễn Thị Hồng N đến toà án làm việc theo đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị N đều vắng mặt. Hội đồng xét xử đã mở phiên toà ngày 22/9/2021 nhưng vắng mặt của chị N nên Hội đồng xét xử hoãn phiên toà, tại phiên toà hôm nay mặc dù được triệu tập hợp lệ lần thứ hai chị N vắng mặt không có lý do; anh M có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử đối với vụ án.

[1.2] Về chứng cứ: Tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và các tài liệu được công bố tại phiên tòa; các đương sự đều xác nhận các tài liệu giao nộp đầy đủ trong hồ sơ vụ án, không còn tài liệu chứng cứ nào khác cần bổ sung. Các đương sự đã được tiếp cận toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do các đương sự cung cấp; không có ý kiến nào phản đối về chứng cứ. Do vậy, những tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà Tòa án sử dụng làm căn cứ giải quyết, đủ điều kiện là chứng cứ theo Điều 92, Điều 93 của BLTTDS.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Hồng N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Hùng, huyện Ứng Hòa, ngày 04/3/2018 là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống hạnh phúc thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm thấy tiếng nói chung; vợ chồng không có niềm tin với nhau. Vì nguyên nhân vậy nên cuộc sống hôn nhân của hai anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng đã sống ly thân được một thời gian. Nay anh M cương quyết xin ly hôn chị. Chị N không có quan điểm ý kiến gì.

Qua xác M tại chính quyền địa phương cung cấp: cuộc sống chung giữa vợ chồng anh M, chị N liên tục xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có niềm tin với nhau. Vợ chồng đã ly thân được một thời gian. Nay anh M có đơn ly hôn, chính quyền địa phương có ý kiến: đề nghị Tòa căn cứ vào thực tế và quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Xét thấy: Cuộc sống giữa anh M, chị N mâu thuẫn từ lâu đã đến mức trầm trọng, sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt. Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của anh M là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Hồng N chưa có con chung, không đề nghị Tòa giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Anh Nguyễn Văn M không đề nghị Tòa giải quyết, chị Nguyễn Thị Hồng N không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn M phải nộp án phí ly hôn và các đương sự đều được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình (năm 2014);

Căn cứ Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Anh Nguyễn Văn M được ly hôn chị Nguyễn Thị Hồng N.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Văn M phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0057156 ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt và đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS Ứng Hòa;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hs; V/P./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Thiện